

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 8 - 2024

Về "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành và bà Vũ Thị Linh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Phú - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2024/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/HNGĐST- QĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu dân cư K, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

- **Bị đơn:** Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu dân cư K, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Vũ Thị N và bị đơn ông Đoàn Văn H đều trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H kết hôn với nhau ngày 18/9/1998, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Chí Linh (nay là phường C, thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, ông bà về chung sống với nhau tại phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Theo bà N trình bày: Bà và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về tất cả công việc chung của gia đình. Từ đó ông bà hay xảy ra cãi vã và có những lời lẽ thiếu tôn trọng nhau. Đến

năm 2022 ông bà mâu thuẫn trầm trọng. Mặc dù đã được gia đình hoà giải nhưng ông bà không thể tháo gỡ được mâu thuẫn, vợ chồng cãi vã căng thẳng. Tuy ông bà vẫn sống cùng nhà nhưng ông bà không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã hết. Bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Hùng.

Theo ông H trình bày: Ông và bà N chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi vã làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi. Đến tháng 3/2024 ông bà mâu thuẫn căng thẳng. Tuy vẫn sống cùng nhà nhưng ông bà không quan tâm đến nhau. Ông bà đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn, ông cũng không còn biện pháp nào tháo gỡ mâu thuẫn. Ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết nhưng ông không đồng ý ly hôn bà N, vì ông không muốn gia đình tan vỡ.

- Về quan hệ con chung: Bà N và ông H có 02 con chung là: Đoàn Quang H1, sinh ngày 06/7/1999 và Đoàn Quang H2, sinh ngày 16/7/2006. Trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà N và ông H đều có ý kiến: Hiện nay con chung Đoàn Quang H1 đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên bà N và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con chung Đoàn Quang H2 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; bà N tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung với bà N. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà N có ý kiến: Hiện nay con chung Đoàn Quang H2 đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Bà N và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo xác minh tại khu dân cư K, phường C: Bà N và ông H kết hôn có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống những năm gần đây bà N và ông H có mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể ra sao thì địa phương không nắm được.

- *Tại phiên tòa:*

Bà Vũ Thị N vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, ông H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Vũ Thị N, cho bà Vũ Thị N được ly hôn ông Đoàn Văn H. Về quan hệ con chung: Cả hai con chung của bà N và ông H là Đoàn Quang H1, sinh ngày

06/7/1999 và Đoàn Quang H2, sinh ngày 16/7/2006 hiện đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Bà Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Vũ Thị N có đơn xin ly hôn ông Đoàn Văn H có nơi cư trú tại: Khu dân cư K, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Vũ Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn là ông Đoàn Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà N và ông H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Bà N và ông H kết hôn với nhau ngày 18/9/1998 trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh Hải Dương, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa bà N và ông H có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được công việc chung của gia đình. Từ đó, ông bà xảy ra cãi vã, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi. Hiện nay ông bà đang mâu thuẫn trầm trọng, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng ông bà không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã hết. Bà N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông H, còn ông H không đồng ý ly hôn bà N với lý do: Ông không muốn gia đình tan vỡ nhưng ông cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mâu thuẫn. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho ông H theo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện ý thức bỏ mặc tình trạng hôn nhân, không thiện chí trong việc tháo gỡ tình trạng mâu thuẫn để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Việc ông bà không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; không sống chung với nhau đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà N được ly hôn ông H.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là Đoàn Quang H1, sinh ngày 06/7/1999 và Đoàn Quang H2, sinh ngày 16/7/2006. Xét hiện nay cả hai con chung của ông bà đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường, tại Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của bà N thể hiện quan điểm của bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Bà N và ông H đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Vũ Thị N, cho bà Vũ Thị N được ly hôn ông Đoàn Văn H.

- Về quan hệ con chung: Bà N và ông H có 02 con chung là Đoàn Quang H1, sinh ngày 06/7/1999 và Đoàn Quang H2, sinh ngày 16/7/2006. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số: 0004041 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Bà N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Hậu